

Luật số: /2025/QH15

DỰ THẢO 5

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUY HOẠCH

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 như sau:

“9. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

“Điều 5. Hệ thống quy hoạch

1. Hệ thống quy hoạch quốc gia

a) Quy hoạch cấp quốc gia.

Quy hoạch cấp quốc gia bao gồm quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia.

Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia quy định tại Phụ lục I của Luật này.

b) Quy hoạch vùng.

Chính phủ xác định các vùng cần lập quy hoạch vùng.

c) Quy hoạch tỉnh.

2. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành

Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành quy định tại Phụ lục II của Luật này. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh và cung cấp thông tin của quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được lập đồng thời. Quy hoạch được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn giữa quy hoạch thấp hơn với quy hoạch cao hơn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn.

Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được lập đồng thời với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh trong trường hợp pháp luật liên quan có quy định.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Nhiệm vụ lập quy hoạch bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Yêu cầu về nội dung quy hoạch, phương pháp lập quy hoạch;
- b) Thời hạn lập quy hoạch;
- c) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc lập quy hoạch.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Bộ Tài chính tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 16 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 như sau:

“h) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch, báo cáo Chính phủ xem xét trình Quốc hội quyết định đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, trình Chính phủ quyết định đối với quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Quy trình lập quy hoạch tỉnh thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề xuất quan điểm, mục tiêu, nội dung quy hoạch; gửi cơ quan, tổ chức liên quan;

c) Các cơ quan, tổ chức liên quan tham gia ý kiến, đề xuất nội dung quy hoạch thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên xã nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;

đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 của Luật này;

e) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

g) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

h) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:

“1. Cơ quan lập quy hoạch được lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 22 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

“2. Quy hoạch tổng thể quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển quốc gia; phân tích, đánh giá các chủ trương, định hướng phát triển lớn; phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển;

b) Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;

- c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;
- d) Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;
- đ) Định hướng tổ chức không gian kinh tế - xã hội;
- e) Định hướng phát triển không gian biển;
- g) Định hướng sử dụng đất quốc gia;
- h) Định hướng khai thác và sử dụng vùng trời;
- i) Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng;
- k) Định hướng phát triển hệ thống đô thị;
- l) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng cấp quốc gia;
- m) Định hướng sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;
- n) Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 23 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

“3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

“Điều 25. Nội dung quy hoạch ngành quốc gia

1. Nội dung quy hoạch ngành quốc gia xác định phương hướng phát triển, phân bố và tổ chức không gian, nguồn lực phát triển ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ liên ngành, liên vùng, liên tỉnh.

2. Quy hoạch kết cấu hạ tầng quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng quốc gia, thực trạng phân bố, sử dụng không gian kết cấu hạ tầng quốc gia; phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển;

b) Quan điểm, mục tiêu phát triển;

c) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng trên phạm vi cả nước và các vùng,

lãnh thổ;

- d) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng quốc gia;
- đ) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

3. Quy hoạch sử dụng tài nguyên quốc gia, trừ quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều tra, khảo sát, thăm dò hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên;
- b) Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên;
- c) Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường quốc gia và các quy hoạch có liên quan;
- d) Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trong thời kỳ quy hoạch;
- đ) Quan điểm, mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;
- e) Xác định khu vực cấm, khu vực hạn chế, khu vực khuyến khích, khai thác, sử dụng tài nguyên;
- g) Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;
- h) Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.

4. Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Định hướng sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh;
- b) Xác định nhu cầu sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia;
- c) Phân kỳ quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh cho từng kỳ kế hoạch 05 năm;
- d) Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

5. Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường, cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học; tình hình và dự báo phát sinh chất thải; tác động của biến đổi

khí hậu; tình hình quản lý và bảo vệ môi trường;

b) Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường;

c) Phân vùng môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; quản lý chất thải; quan trắc và cảnh báo môi trường;

d) Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.

6. Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Đánh giá hiện trạng, diễn biến đa dạng sinh học, tình hình quản lý bảo tồn đa dạng sinh học;

b) Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học;

c) Khu vực đa dạng sinh học cao; cảnh quan sinh thái quan trọng; khu bảo tồn thiên nhiên; hành lang đa dạng sinh học; cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học;

d) Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.

7. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 26 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

“2. Quy hoạch vùng bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá thực trạng các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù của vùng;

b) Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;

c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;

d) Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;

đ) Phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng; phương hướng tổ chức không gian kinh tế - xã hội của vùng;

e) Phương hướng phát triển hệ thống đô thị;

g) Phương hướng phát triển các khu chức năng;

h) Phương hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của vùng;

i) Phương hướng bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng;

k) Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

“Điều 27. Nội dung quy hoạch tỉnh

1. Nội dung quy hoạch tỉnh cụ thể hóa các định hướng, phương hướng phát triển đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; phương án phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, liên xã.

2. Quy hoạch tỉnh bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn;

b) Các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;

c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;

d) Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;

đ) Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội; phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh;

e) Phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; phương án phát triển các khu chức năng; phương án phát triển cụm công nghiệp, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn;

g) Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật bao gồm mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp điện, mạng lưới viễn thông và hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước, khu xử lý chất thải, nghĩa trang, hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và hạ tầng kỹ thuật khác;

h) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, hạ tầng các cơ sở bảo trợ xã hội và hạ tầng xã hội khác;

i) Định hướng phát triển không gian ngầm (nếu có);

k) Định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;

l) Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

m) Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“Điều 30. Hội đồng thẩm định quy hoạch

1. Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch là Thủ tướng Chính phủ hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ. Thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch là Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định.

3. Hội đồng thẩm định quy hoạch làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch theo nhiệm vụ được giao. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định có thể tổ chức lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan trước khi tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch.

Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch có thể lựa chọn tư vấn phản biện độc lập. Tư vấn phản biện độc lập phải đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Chính phủ.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, 2 và 3 Điều này.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 33 như sau:

“1. Báo cáo thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải thể hiện rõ ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch về nội dung thẩm định quy hoạch quy định tại Điều 32 của Luật này và kết luận về việc quy hoạch đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện để trình Quốc hội hoặc Chính phủ quyết định.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

“Điều 34. Thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch

1. Quốc hội quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia.

2. Chính phủ quyết định quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

3. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.”.

14. Sửa đổi, bổ sung tên điều và khoản 4 Điều 36 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên điều như sau:

“Điều 36. Trình tự, thủ tục quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về quy hoạch tổng thể quốc gia.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 38 như sau:

“1. Toàn bộ nội dung của quy hoạch phải được công bố công khai sau khi quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.”.

16. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 44 như sau:

“c) Báo cáo thẩm tra quy hoạch đối với quy hoạch tổng thể quốc gia;”.

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 45 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

“2. Kế hoạch thực hiện quy hoạch phải phù hợp với văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện;

b) Xác định các nguồn lực thực hiện quy hoạch;

c) Xác định các chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này và hồ sơ, trình tự, thủ tục ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch, điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch.”.

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 47 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

“2. Bộ Tài chính trình cơ quan có thẩm quyền bố trí các nguồn vốn cho dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.”.

19. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 49 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và b khoản 2 như sau:

“a) Bộ Tài chính đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch vùng;

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường đánh giá thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia gửi báo cáo đánh giá đến Chính phủ. Trường hợp cần thiết, Chính phủ báo cáo Quốc hội.

Cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh gửi báo cáo đến Thủ tướng Chính phủ.”.

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và bổ sung khoản 4 Điều 54 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội quyết định chủ trương điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Chính phủ quyết định chủ trương điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

Bộ, cơ quan ngang Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền tổ chức lập.

Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch vùng.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch tỉnh.”;

b) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục quyết định hoặc phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.”.

21. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 54a đã được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

a) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 như sau:

“5a. Việc điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại Điều này không phải thực

hiện đánh giá môi trường chiến lược.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch được quy định như sau:

a) Quốc hội quyết định điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia;

b) Chính phủ quyết định điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

c) Bộ trưởng được giao tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia, lập quy hoạch vùng, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.”.

22. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 55 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 như sau:

“1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch; ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia;

Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng.

2. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành theo thẩm quyền chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 3 như sau:

“3. Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng;”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

“d) Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách, giải pháp bảo đảm nguồn lực tài chính để thực hiện quy hoạch; hướng dẫn Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc lập và tổ chức thực hiện quy hoạch;”;

đ) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu và điểm a khoản 4 như sau:

“4. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính trong việc thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành quốc gia; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch ngành quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch ngành quốc gia;”;

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều này và nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch đối với quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

b) Trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.”.

23. Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 2 Điều 41, khoản 2 Điều 42, khoản 1 Điều 48.

Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” quy định tại khoản 2 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 41, khoản 3 Điều 42.

24. Bãi bỏ cụm từ “quốc gia” tại Điều 1 và Điều 2; bãi bỏ điểm i khoản 2 Điều 23, khoản 3 Điều 32, khoản 6 Điều 55, số thứ tự 1 tại Phụ lục II về Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; bãi bỏ Phụ lục III về Danh mục các bộ luật, luật có quy định liên quan đến quy hoạch cần sửa đổi, bổ sung.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Luật này

có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện cho đến hết thời kỳ quy hoạch. Trường hợp quy hoạch đã tổ chức thẩm định nhưng chưa được phê duyệt thì thực hiện phê duyệt theo quy định của Luật này.

Trường hợp quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đang thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Điều 53 hoặc 54a Luật Quy hoạch nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt thì tiếp tục thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Điều 53 hoặc 54a Luật Quy hoạch hoặc thực hiện điều chỉnh theo khoản 3 Điều này và được kế thừa những nội dung phù hợp khi thực hiện điều chỉnh.

Trường hợp quy hoạch tỉnh đang thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Điều 53 hoặc 54a Luật Quy hoạch nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện điều chỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều này và được kế thừa những nội dung phù hợp khi thực hiện điều chỉnh.

3. Việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành để thực hiện Nghị quyết số.../2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp được thực hiện như sau:

a) Nguyên tắc và đối tượng điều chỉnh quy hoạch:

a.1) Các quy hoạch có sự thay đổi về tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội do thực hiện Nghị quyết số.../2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp phải thực hiện điều chỉnh để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, kế thừa, ổn định trong hệ thống quy hoạch quốc gia;

a.2) Việc điều chỉnh quy hoạch vùng được thực hiện khi có quyết định phân vùng của Chính phủ;

a.3) Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau sắp xếp thì thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo địa giới hành chính quy định tại Nghị quyết số.../2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

b) Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia:

b.1) Bộ Tài chính lựa chọn tư vấn; xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, bao gồm báo cáo điều chỉnh quy hoạch, dự thảo văn bản quyết định điều chỉnh quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch; gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

b.2) Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi xin ý kiến;

b.3) Bộ Tài chính tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình thẩm định.

Việc thẩm định quy hoạch được thực hiện theo hình thức họp Hội đồng thẩm

định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

Trường hợp thẩm định theo hình thức họp Hội đồng thẩm định thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và Điều 30 của Luật Quy hoạch.

Trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản, Bộ Tài chính lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan;

b.4) Bộ Tài chính tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch báo cáo Chính phủ xem xét, trình Quốc hội quyết định.

Trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Luật Quy hoạch;

c) Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia:

c.1) Bộ Nông nghiệp và Môi trường lựa chọn tư vấn; xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, bao gồm báo cáo điều chỉnh quy hoạch, dự thảo văn bản quyết định điều chỉnh quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch; gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương có liên quan và tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

c.2) Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi xin ý kiến;

c.3) Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình thẩm định.

Việc thẩm định quy hoạch được thực hiện theo hình thức họp Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

Trường hợp thẩm định theo hình thức họp Hội đồng thẩm định thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và Điều 30 của Luật Quy hoạch.

Trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản, Bộ Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan;

c.4) Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình Chính phủ xem xét, quyết định;

d) Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia:

d.1) Cơ quan lập quy hoạch ngành quốc gia lựa chọn tư vấn; xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia, bao gồm báo cáo điều chỉnh quy hoạch, dự thảo văn bản phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia; gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương có liên quan;

d.2) Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi xin ý kiến;

d.3) Cơ quan lập quy hoạch ngành quốc gia tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình thẩm định.

Việc thẩm định quy hoạch được thực hiện theo hình thức họp Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

Trường hợp thẩm định theo hình thức họp Hội đồng thẩm định, cơ quan tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thành lập Hội đồng thẩm định. Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo cơ quan tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia, thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan và tổ chức, cá nhân khác. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định; quy định trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Hội đồng thẩm định, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định và cơ chế hoạt động của Hội đồng thẩm định.

Trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản, cơ quan tổ chức lập quy hoạch ngành lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan;

d.4) Cơ quan lập quy hoạch ngành quốc gia tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt;

đ) Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch vùng:

đ.1) Bộ Tài chính lựa chọn tư vấn; xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch vùng, bao gồm báo cáo điều chỉnh quy hoạch, dự thảo văn bản phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch; gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

đ.2) Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi xin ý kiến;

đ.3) Bộ Tài chính tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình thẩm định.

Việc thẩm định quy hoạch được thực hiện theo hình thức họp Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

Trường hợp thẩm định theo hình thức họp Hội đồng thẩm định thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và Điều 30 của Luật Quy hoạch.

Trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản, Bộ Tài chính lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan;

đ.4) Bộ Tài chính tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt;

e) Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch tỉnh:

e.1) Cơ quan lập quy hoạch tỉnh lựa chọn tư vấn; xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, bao gồm báo cáo điều chỉnh quy hoạch, dự thảo văn bản phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch; gửi xin ý kiến

Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương liên kề và tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

e.2) Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi xin ý kiến;

e.3) Cơ quan lập quy hoạch tỉnh tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình thẩm định.

Việc thẩm định quy hoạch được thực hiện theo hình thức họp Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

Trường hợp thẩm định theo hình thức họp Hội đồng thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định. Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện các sở, ngành và tổ chức, cá nhân khác. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định; quy định trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Hội đồng thẩm định, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định và cơ chế hoạt động của Hội đồng thẩm định.

Trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản, cơ quan tổ chức lập quy hoạch tỉnh lấy ý kiến của các sở, ngành;

e.4) Cơ quan lập quy hoạch tỉnh tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

g) Hồ sơ trình thẩm định bao gồm: báo cáo điều chỉnh quy hoạch; dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch; hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch; báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan;

h) Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt bao gồm: tờ trình; báo cáo điều chỉnh quy hoạch; dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch; hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch; báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; bản sao kết luận của Hội đồng thẩm định trong trường hợp thẩm định theo hình thức họp Hội đồng thẩm định; bản sao ý kiến thẩm định bằng văn bản;

i) Việc điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại khoản này không phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược;

k) Chi phí điều chỉnh quy hoạch quy định tại khoản này được sử dụng nguồn chi thường xuyên hoặc nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã trình cấp có thẩm quyền trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được ban hành thì Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét,

ban hành theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Luật này.

Trường hợp điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện điều chỉnh theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Luật này.

5. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện cho đến khi được thay thế theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Chính phủ rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quy hoạch, bảo đảm phù hợp với Luật này và có hiệu lực thi hành chậm nhất là ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Trong thời gian các luật có liên quan đến quy hoạch chưa được sửa đổi, bổ sung theo thời hạn quy định tại khoản này để bảo đảm giải quyết các vấn đề cấp bách, vướng mắc liên quan đến hoạt động quy hoạch trong giai đoạn sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một số quy định có liên quan đến quy hoạch tại các luật để thống nhất áp dụng và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trong thời gian cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định liên quan đến quy hoạch phù hợp với quy định của Luật này thì các quy định của pháp luật hiện hành về lập, thẩm định, quyết định, phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch được tiếp tục thực hiện cho đến khi cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày tháng năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn